

Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai

Chương: 423

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí và dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh BHYT	2.500	811	32%	25%
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
1.3	Thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế	2.500	811	32%	25%
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.500	811	32%	25%
2.1	Chi sự nghiệp y tế (khám, chữa bệnh BHYT)	2.500	811	32%	25%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.500	811	32%	25%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.078	3.827	33%	25%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	10.827	3.608	33%	25%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.827	3.608	33%	25%
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
11	Chi Chương trình mục tiêu	251	219		
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	251	219		
1.1	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững	66	61	93%	92%
1.2	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn 1: 2021 -2025	185	157	85%	90%
2	Chi Chương trình mục tiêu				

Ngày tháng năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
CHỈNH LÝ QUYẾT TOÁN THÁNG 01/2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Chỉnh lý quyết toán tháng 01/2025	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí và dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh BHYT	2.500	0	0%	25%
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
1.3	Thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế	2.500		0%	25%
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.500	0	0%	25%
2.1	Chi sự nghiệp y tế (khám, chữa bệnh BHYT)	2.500	0	0%	25%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.500		0%	25%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.078	38	0%	2%
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	10.827	38	0%	2%
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.827	38	0%	2%
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
11	Chi Chương trình mục tiêu	251	0		
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	251	0		
1.1	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững	66		0%	0%
1.2	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn 1: 2021 -2025	185		0%	0%
2	Chi Chương trình mục tiêu				

Ngày tháng năm 2025
Thủ trưởng đơn vị